TÒA ÁN N DÂN **HUYỆN HOÀ BÌNH** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 03-10-2018
V/v tranh chấp ly hôn

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN HUYỆN HOÀ BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Bà Nguyễn Thúy Oanh

Các hội thẩm N dân:

1/- Ông Võ Tấn Phước
2/- Bà Phạm Hồng Đượm

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Xuyên - Thư ký Tòa án N dân huyện Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Dương Thục Trinh- kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án N dân huyện Hoà Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 07 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXX-ST ngày 13 tháng 09 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp TT, thị trấn H, huyện H, Bạc Liêu

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1969 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp TT, thị trấn H, huyện H, Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 07 năm 2018 và tại biên bản ghi lời khai ngày 26/7/2018, chị Nguyễn Thị M trình bày: Nguyên vào năm 1990, chị với anh Nguyễn Thanh N xây dựng hôn N với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống chị và anh N có 02 đứa con chung tên: Nguyễn Thanh P, sinh năm 1991; Nguyễn Thanh N, sinh năm 1999. Hiện cả hai cháu P, N đã thành niên và có cuộc sống tự lập.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống chị và anh N có tạo lập tài sản chung nhưng chị và anh N đã thống nhất tự thỏa thuận xong.

Về nợ chung: Không có.

Nguyên N phát sinh mâu thuẫn giữa chị và anh N là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xung đột, cải vã nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng

không có hạnh phúc và đã sống ly thân cách nay khoảng hơn 01 năm. Nay ra tòa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh N, về con chung: đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, tài sản chung: Chị và anh N đã tự thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Theo bị đơn – anh Nguyễn Thanh N trình bày: Tại biên bản ghi lời khai ngày 26/7/2018, anh thống nhất theo trình bày của chị Nguyễn Thị M về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nay anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị M; về con chung: đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, tài sản chung: Anh và chị M đã tự thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề xuất: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn N: Không công nhận chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Thanh N là vợ chồng.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình: chị M phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Thanh N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Thanh N chung sống với nhau vào năm 1990, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định, điều này được chị M, anh N thừa nhận. Quá trình chung sống, chị M và anh N thường cự cãi do bất đồng quan điểm, từ đó mâu thuẫn ngày càng lớn, hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân khoảng hơn 01 năm, mặc dù sống cùng địa phương nhưng chị M và anh N không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần xem xét cho ly hôn. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị M và anh N không có đăng ký kết hôn là vi phạm vào Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên căn cứ theo quy định khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh N không phải là hôn nhân

hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận, nên không công nhận chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Thanh N là vợ chồng.

[3] Về con chung: chị M và anh N thống nhất xác định về con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: chị M và anh N thống nhất xác định đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: chị M và anh N thống nhất xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án đặt ra giải quyết.

[6] Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, chị M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1/- Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Thanh N là vợ chồng.

2/- Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị M đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0014338 ngày 10/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoà Bình được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THÚY OANH

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- THADS huyện Hòa Bình;
- UBND TT Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;